

Văn Miếu Đàng Trong ở Miền Trung thời nhà Nguyễn

Võ Nguyên Phong^(*)

Văn Miếu là tên gọi ngắn gọn của Văn Thánh Miếu, còn gọi là miếu Tiên Sư hay Văn Thánh, đây là nơi thờ đức Khổng Tử, người được tôn vinh là Vạn thế sư biểu - Bậc thầy của muôn đời, ở những nước có nền văn hóa Nho giáo. Thời chúa Nguyễn với hành trình mở cõi phương Nam, cũng phát huy tinh thần trọng chữ thánh hiền, các Văn Miếu lần lượt được xây dựng cho từng khu vực phủ, dinh... Cho đến thời nhà Nguyễn, việc đặt quy chế xây dựng và tế lễ ở Văn Miếu trở thành rất quy củ trong điển lệ triều Nguyễn. Đến năm 1803 vua Gia Long cho thiết lập hệ thống Văn Miếu ở các dinh trấn toàn quốc, góp phần hoàn chỉnh từng bước hệ thống thờ tự Văn Miếu ở Việt Nam thời nhà Nguyễn, thời gian sau các Văn Miếu được hoàn thiện và là trở thành nơi tế tự quan trọng bậc nhất của chính quyền các tỉnh tại địa phương.

Trải qua một thời gian dài sử dụng và phế bỏ, đến nay không còn nhiều Văn Miếu thời nhà Nguyễn còn tồn tại, thậm chí một số Văn Miếu mất dấu tích và hoặc hoàn toàn không có thông tin. Tác giả lần lượt khảo sát các tòa Văn Miếu thời nhà Nguyễn, đó là một công trình với danh xưng Văn Thánh Miếu với quy mô hàng tỉnh ở các tỉnh thành thuộc đất Đàng Trong xưa thuộc miền Trung, kéo dài từ Quảng Bình vào Bình Thuận. Các di tích Văn Chỉ hay Văn Từ được đặt do hàng phủ huyện xã quản lý tác giả xin chưa đề cập đến.

Văn Miếu Quảng Bình được xây dựng nằm ở làng Trung Trinh: “*Văn Miếu: Ở phía tây nam tỉnh thành, thuộc địa phận huyện Phong Lộc. Chính đường ba gian, tiền đường năm gian, hai bên tả hữu vu đều năm gian. Năm Gia Long thứ 17 (1818) dựng ở địa phận huyện Phong Lộc. Năm Minh Mạng thứ 19 (1838), dời đến chỗ hiện nay, thuộc địa phận xã Trung Trinh gần phủ lý*”¹. Như vậy về quy chế Văn Miếu Quảng Bình đã theo quy định chung mà triều nhà Nguyễn đã ban hành. Làng Trung Trinh thời điểm 1876 thuộc tổng Long Đại, huyện Phong Lộc, phủ Quảng Ninh. Đây là làng có đặt phủ lý Quảng Ninh, nay thuộc khu vực thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh, Quảng Bình, bên bờ bắc sông Nhật Lệ. Vị trí chính xác Văn Miếu Quảng Bình ngày nay nằm chỗ ngã Năm đầu cầu Quán Hàu ở phía Bắc, thuộc tổ dân phố Trung Trinh, thị trấn Quán Hàu. Theo mô tả của Ch. Lemire vào năm 1894 trên tạp chí *Le tour du monde*, ông ta đã viếng thăm Văn miếu của Quảng Bình tại phủ Quảng Ninh “*Trong thời gian ở Đồng Hới, lần đầu tiên chúng tôi đến thăm phủ Quảng Ninh và đến viếng Văn Miếu của tỉnh này*”², tuy nhiên ông ta chỉ chú tâm mô tả

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 517.

(*) Thạc sĩ. Email: phongvn.ciscom@gmail.com. ĐT: 0914113819.

² M. Charles Lemire, “Aux monuments anciens des Kiams (Excursion archéologique en Annam)”, *Le tour du monde* 1894, Deuxième semestre, Paris 1894, trang 414.

các di tích Chăm mà không nói gì thêm về Văn Miếu ở đây. Có lẽ sau khi xây dựng năm 1838, Văn Miếu Quảng Bình có nhiều lần sửa chữa và đến đầu thế kỷ XX thì công trình đã hư hỏng nhiều. Đến năm 1938, đúng 100 năm sau ngày Văn Miếu được xây dựng tại làng Trung Trinh, qua bài báo: “*Quảng Bình trùng tu Văn Miếu*”³ cho biết quan tuần phủ Quảng Bình là cụ Võ Chuẩn đã tổ chức trùng tu và hoàn thành công trình vào khoảng tháng 3 năm 1939. Đến nay địa phương huyện Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Bình đang có kế hoạch quy hoạch một vị trí mới để xây dựng lại Điện Văn Thánh nhằm ghi dấu một công trình Văn Miếu tỉnh Quảng Bình thừa xưa tại đây.

Văn Miếu Quảng Trị nằm ở làng An Đôn: “*Văn Miếu: Ở xã An Đôn, phủ Triệu Phong. Hồi đầu dựng nước, đặt ở xã Phước Mỹ phủ Triệu Phong. Năm Gia Long thứ 13 (1814), dời đến xã Thạch Hãn huyện Hải Lăng. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840), dời đến chỗ hiện nay*”⁴. Theo đây vào thời chúa Nguyễn thì Văn Miếu Quảng Trị nằm ở xã Phước Mỹ ở bờ Bắc sông Thạch Hãn, nay thuộc thôn Phước Mỹ, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong. Về sau vào năm 1814 chuyển dựng ở làng Thạch Hãn, nay thuộc nội ô thị xã Quảng Trị, kề bên thành cổ Quảng Trị và bờ Nam sông Thạch Hãn. Năm 1840 thì xây dựng Văn Miếu ở làng An Đôn, vị trí phía tây nam thành cổ Quảng Trị và ở bờ Bắc sông Thạch Hãn. Việc di dời Văn Miếu Quảng Trị về làng An Đôn rất có thể vì lý do sét đánh Văn Miếu, bởi theo chính sử vào năm 1840 “[Tháng 9 Canh Tý] *Sét đánh Văn Miếu tỉnh Quảng Trị (ở cột cái đằng trước, chỗ vị thờ thứ 2, gian thứ nhất phía hữu miếu. Cột ấy bị xé toạc từ đầu trở xuống, dài hơn 3 thước. Tháng 3, năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), cái cột nơi ấy cũng bị sét đánh, tình thần tự thay đổi giầu, không làm tập tâu lên). Việc đến tai vua, vua sai tinh thần sửa chữa lại, và làm lễ cáo tạ*”⁵. Chính sử cho là sửa chữa lại, tuy nhiên *Đại Nam Nhất thống chí* cho là chuyển về làng An Đôn, có lẽ thông tin là chính xác bởi trước đó vào năm 1833 Văn

³ Theo *Tràng An báo* số 405 (21/3/1939) với bài *Quảng Bình trùng tu Văn Miếu*, nội dung như sau:

- Văn miếu bản tỉnh kiến tạo từ năm 1818 tại huyện Phong Lộc, rồi cách đó 20 năm, là năm 1838 dời về làng Trung Trinh thuộc phủ Quảng Ninh. Từ đó đến nay, đã trọn một thế kỷ trải qua biết bao nhiêu tuế, nguyệt, rường cột đã cơ hồ lung lay, đối với cái cảnh Không miếu sắp đến ngày đổ nát, những người hữu tâm với Chánh giáo đều chung một mối cảm hoài.

- May nhờ Cụ Tuần Võ Chuẩn ngay khi mới đão nhiệm chức Thủ hiến bản tỉnh, tuy bận nhiều công việc phiên khản về hành chánh, về tư pháp, nhưng cũng vẫn đặc biệt lưu tâm đến việc trùng tu miếu sở này, lại được Cụ Sứ cũng tỏ ý tán thành nên đã xin được một khoản tiền công tác trong ngân sách Chánh phủ Nam triều mà tu bổ cái cơ chỉ có quan hệ đến văn hóa từ trăm năm để lại.

- Văn miếu tỉnh nhà ngày nay trùng tu lại được chính đốn, thân sĩ trong tỉnh hạt không xiết đổi vui mừng. Sự vui mừng ấy đã biểu lộ ra một cách cảm động trong buổi lễ lạc thành miếu sở. Buổi lễ ấy đã cử hành theo những nghi thức rất trang nghiêm và chỉnh tề. Quan Công sứ và các quý quan cũng sẵn lòng đến dự lễ ấy với quan Tuần vũ và các Nam quan, khiến cho lễ lạc thành an vị càng thêm trọng thể và có nhiều ý nghĩa hay.

- Một số rất đông các nhà khoa mục và sĩ phu trong tỉnh hạt đều đến dự lễ này, và thấy đều lấy làm hoan hỉ được trông thấy chốn Văn miếu tu bổ lại chỉnh đốn như ngày nay. Trong bài diễn văn của một nhà cựu học đọc trong buổi lễ ấy đã tỏ lòng cảm phục của anh em trong nho lâm đối với quan Tuần vũ Võ Đại như một cách chân thành.

- Ngày nay ở xã hội ta trong công việc duy trì thể đạo, bồi thực phong hóa, thì việc chấn hưng Không giáo là một cấp vụ nên làm trước tiên; mà trong việc chấn hưng Không giáo, thì việc trùng tu Văn miếu là việc không nên sao nhãng.

- Tuy ngày nay, trong học giới nước ta, Pháp học đã thay cho Hán học, nhưng cái tinh thần Không giáo vẫn cần phải bảo tồn mãi mãi.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 463.

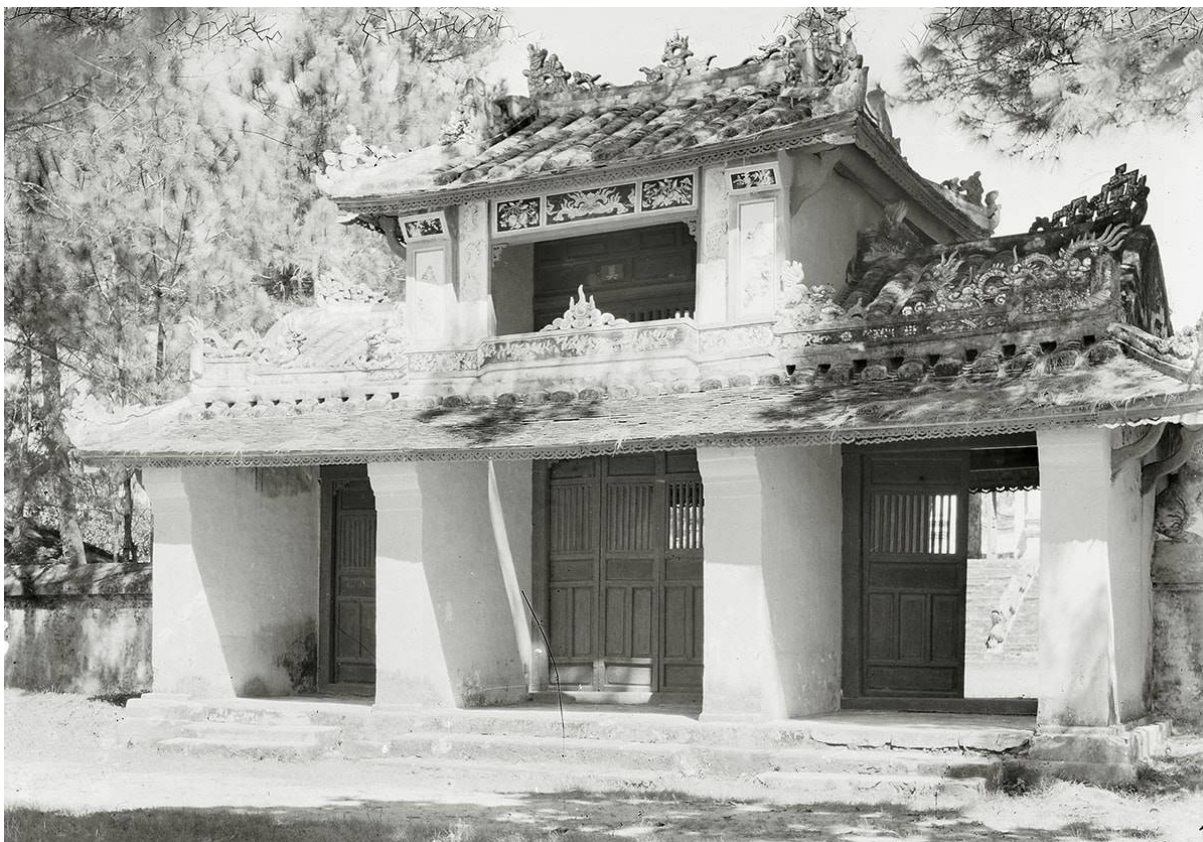
⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 5*, NXB Giáo dục 2007, trang 814.

Miếu này cũng bị sét đánh đúng vị trí đó, vì vậy chuyển dời Văn Miếu là phù hợp. Làng An Đôn vào năm 1876 là xã An Đôn, tổng An Đôn, huyện Đăng Xương, đạo Quảng Trị. Nay thuộc phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, Quảng Trị. Dấu tích Văn Miếu hầu như không còn trên thực tế, qua khảo sát xác định chính xác Văn Miếu nằm toàn bộ trong khuôn viên Trường THCS Nguyễn Tất Thành, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, bên bờ Bắc sông Thạch Hãn. Rất có thể Văn Miếu đã bị phá hủy sau năm 1945. Thời điểm năm 1964 thì toàn bộ khuôn viên Văn Miếu trở thành khu nhà hành chánh thuộc phi đạo nằm kề bên và chạy dọc sông Thạch Hãn, có lẽ người ta đã xây lên khuôn viên Văn Miếu đã bị phá trước đó. Khảo sát theo tư liệu năm 1909 cho thấy Văn Miếu Quảng Trị có tường bao quanh với kích thước 80x80 m, công trình có mặt tiền quay về hướng đông nam, có ba tòa nhà là chính đường, tả vu, hữu vu... Bên ngoài khuôn viên Văn Miếu về phía tây nam có đền Khải Thánh. Cần nhiều nghiên cứu hơn nữa về công trình này nhằm làm sáng tỏ hơn.

Văn Miếu kinh thành Huế nằm tại làng An Ninh, đây là vị trí được xây dựng sau khi chuyển dời Văn Miếu từ làng Long Hồ vào năm 1808: “[Tháng 2 năm Mậu Thìn] *Vua cho rằng miếu cũ ở Long Hồ quy chế nhỏ hẹp, mới chọn đất ở An Ninh mà dời dựng*”⁶. Làng Long Hồ nay là thôn Long Hồ, xã Hương Hà, huyện Hương Trà, thượng lưu kinh thành Huế. Trước đó Văn Miếu tại làng Long Hồ được chuyển về vào năm 1770 từ làng Triều Sơn. Làng Triều Sơn nay thuộc xã Hương Vĩnh, huyện Hương Trà. Văn Miếu kinh thành tại làng An Ninh là Văn Miếu nằm ở kinh đô nên quy mô khá lớn: “*Quy chế của miếu thì chính đường, tiền đường, tả hữu tòng tự đường, đều một cái; đằng trước đặt cửa Đại Thành, bên tả là cửa Kim Thanh, bên hữu là cửa Ngọc Chấn; lại ở ngoài cửa Đại Thành đặt hai nhà, bên tả là nhà Sùng Văn (tức nhà Hữu Văn ngày nay) bên hữu là nhà Dục Lễ; phía tả miếu đặt nhà Tu Kính, phía sau miếu thì tả có nhà Thần Trù, hữu có nhà Thần Khố; chu vi xây tường gạch, đặt ba cửa phía trước là cửa Văn miếu, tả là cửa Đạt Thành, hữu là cửa Quan Đức; phía ngoài tường trông thông khắp cả*”⁷. Vị trí Văn Miếu cũ tại làng Long Hồ được chuyển thành điện Khải Thánh để thờ cha mẹ đức Khổng Tử. Điều khác biệt của Văn Miếu kinh thành với các Văn Miếu tỉnh thì ngoài quy mô rất lớn, nơi đây còn khắc bia tiến sĩ nhằm lưu và vinh danh các tiến sĩ đỗ đạt ở các khoa thi nhà Nguyễn tổ chức.

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 722.

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 722.



Hình 1. Văn Miếu Môn ở kinh thành Huế (Đầu TK XX)

Khảo sát tư liệu năm 1909 thì công trình nằm kề bên Võ Miếu về phía đông, có quy mô khoảng 2,20 ha và có dạng hình chữ nhật. Công trình kiến trúc bố trí gồm hai cổng vào còn tồn tại như ngày nay là Văn Miếu Môn (nằm ở lớp thành bao ngoài cùng), bên trong là cửa Đại Thành Môn (nằm ở lớp thành trong), ngoài khuôn viên thì về phía trước cổng Văn Miếu Môn sát sông Hương là bốn trụ nghi môn. Ở vòng thành ngoài, ở hai bên hông khuôn viên Văn Miếu có bố trí hai cửa là Kim Thanh Môn bên tả và Ngọc Chấn Môn bên hữu; trước cổng Văn Miếu có hai bia tả hữu có chữ “hạ mã”; phía ngoài cổng Đại Thành Môn và bên trong Văn Miếu Môn, bên trái có Hữu Văn Đường (trước 1841 là Sùng Văn Đường); bên phải có Dục Lễ Đường; xa hơn về phía sau và hai bên tả hữu là Thần Trù và Thần Khố. Trên vòng thành thứ hai cao mười lăm bậc có ba cửa là Đại Thành Môn ở phía trước và hai cửa tả hữu là Chân Đức Môn (trước 1841 là Đạt Thành Môn) và Quang Đức Môn; bên trong vòng thành của cổng Đại Thành Môn gồm có Đại Thành Điện gồm hai tòa nhà ghép lại, phía trước Đại Thành Điện là hai tòa nhà Tả Vu và Hữu Vu bố trí nhìn vào trước chánh điện. Ngoài ra theo cụ Ứng Trình trong: “*Le Temple des Lettres*”⁸ thì ở góc phải phía đông thành ngoài có am thờ Thổ công (thần đất); trước chánh điện Đại Thành Điện có hai nhà bia che hai tấm bia; và giữa thành ngoài và thành trong khoảng các cửa hông có hai hàng bia

⁸ Theo bài “*Le Temple des Lettres - Văn Miếu*” của cụ Ứng Trình đăng trong tạp chí B.A.V.H số IV (Oct-Déc) năm 1916 (trang 365-378), theo nội dung mô tả của cụ thì chi tiết hơn tư liệu chúng tôi khảo sát và chúng tôi bổ sung các ý này.

vinh danh các vị khoa bảng đỗ tiến sĩ, một bên 14 và bên kia 16 bia⁹. Quan sát hiện nay tại thực địa chỉ nhận thấy cấu trúc nguyên gốc còn lại là hai cổng Văn Miếu Môn, Đại Thành Môn và hai nhà bia trước chánh điện, tuy cũng đã xuống cấp nhiều. Phần bên trong hoàn toàn không còn và rất có thể hai dãy nhà bia hiện hữu cũng không nguyên gốc.

Văn Miếu Quảng Nam nằm ở làng Thanh Chiêm, ngày nay thuộc xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn. Theo mô tả từ *Đại Nam nhất thống chí*: “*Văn Miếu: Ở xã Thanh Chiêm, huyện Diên Phước (các đền miếu sau đây cũng thuộc huyện này). Khi đầu khai quốc, xây cất ở phía Tây xã Câu Khê trong huyện. Năm Gia Long, bị nước sông xói lở, dời qua phía Đông xã, cũng bị nước xung phá. Năm Minh Mạng thứ 6 (1825) dời đến đây (xã Thanh Chiêm). Quy chế: Chính đường ba gian hai chái, tiền đường năm gian. Miếu Khải Thánh (thờ thân phụ đức Khổng Tử) ở về phía Tây Văn Miếu*”¹⁰. Ở đây có một chi tiết bản khoản là Văn Miếu Quảng Nam nằm hoàn toàn trên phạm vi thành tỉnh Quảng Nam thời đầu nhà Nguyễn¹¹, còn gọi là thành Thanh Chiêm tồn tại từ 1807-1833. Tuy nhiên thành Thanh Chiêm phế bỏ từ 1833 thì làm sao Văn Miếu lại chuyển về từ năm 1825? Vì theo nguyên tắc thì không thể đặt một công trình tín ngưỡng vào trong thành trì được. Tra cứu *Đại Nam thực lục*, vào năm 1835 cho biết: “[Tháng 12 năm Ất Mùi (1835)] *Quan tỉnh Quảng Nam tâu nói “Văn miếu của tỉnh dựng ở xã Câu Khê, bị nước sông Trường Giang xói lở, xin dời về đất Thanh Chiêm sáng sủa cao ráo”.* (Câu Khê, Thanh Chiêm đều là tên xã, thuộc huyện Diên Phước). *Vua chuẩn y lời tâu*”¹². Như vậy việc chuyển Văn Miếu từ xã Câu Khê [Nhi] về Thanh Chiêm phải vào năm 1835, sau khi thành tỉnh Quảng Nam chuyển về làng La Qua ở phía bắc. Khảo sát thực địa thì công trình có mặt bằng chữ nhật, có kích thước (70x72)m, mặt tiền hướng nam, tức hướng ra ngã ba tuyến đường QL1A-Chợ Tổng. Bao quanh là tường xây, có tuyến đường ngắn dẫn từ vị trí gần ngã ba QL1A-Chợ Tổng ngày nay vào Văn Miếu với chiều dài khoảng 70m. Bên trong khuôn viên Văn Miếu Quảng Nam là ba công trình lớn gồm tòa chánh điện nằm giữa, hai tòa Tả Vu và Hữu Vu nằm hai bên. Tòa điện Khải Thánh bố trí nằm bên ngoài và nằm về phía tây khuôn viên Văn Miếu. Khảo sát thời điểm năm 1908 thì không còn thấy Trường Đốc Quảng Nam, theo thông tin là nằm về phía đông Văn Miếu. Xác định vị trí đền Khải Thánh nằm tại vị trí Trường THPT Bán công Nguyễn Khuyến, vị trí phía bắc khuôn viên này. Còn Văn Miếu Quảng Nam nằm hoàn toàn trong khuôn viên Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Quảng Nam.

Văn Miếu Quảng Ngãi nằm ở làng Phú Nhơn, nay thuộc phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi. Vào năm Gia Long thứ 12 (1813) đã thấy công tác liên quan đến Văn Miếu nằm ở xã Phú Nhơn thuộc tổng Trung, huyện Bình Sơn. Đó là một sở đất

⁹ Hiện nay là 32 bia trong đó có 30 bia đề tên tiến sĩ, cụ Ứng Trình khảo sát thì có 30 bia, có lẽ cụ Ứng Trình chỉ kể bia đề tên tiến sĩ mà thôi.

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 355.

¹¹ Võ Nguyên Phong, “Thành cổ Thanh Chiêm”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử Xứ Quảng*, số 12, 1.2019, trang 110-123.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 4*, NXB Giáo dục 2007, trang 842.

hương hỏa dùng phục vụ tế tự Văn Miếu: “*Hương hỏa Văn thánh 3.0.0.0*”¹³, tức khoảng 1,47 ha; như vậy Văn Miếu Quảng Ngãi đã thấy tồn tại dạng đơn giản mà chưa xây dựng quy củ như điển lệ. Về sau đến năm 1817, theo *Đại Nam nhất thống chí* thì dựng Văn Miếu: “*Ở xã Phú Nhơn huyện Bình Sơn. Miếu đường ba gian hai chái, hai nhà ở bên tả hữu, phía trước có một nghi môn, ba cửa. Dựng năm Gia Long thứ 16 (1817). Đền Khải Thánh (thờ thân phụ đức Khổng Tử) ở bên hữu miếu này, dựng năm Minh Mạng thứ 20 (1839)*”¹⁴. Theo mô tả này thì Văn Miếu Quảng Ngãi làm đúng theo điển lệ về Văn Miếu với tòa chính đường ba gian hai chái, tuy nhiên có thể mô tả thiếu vì theo điển lệ thì còn có tòa tiền đường năm gian hợp với chính đường thành 1 tòa lớn. Về phía trước và ở hai bên là hai tòa Tả Vu và Hữu Vu đều năm gian, phía trước là bốn cột nghi môn với ba cửa ra vào. Ngày nay vị trí Văn Miếu nằm kề bên Nghĩa trang liệt sĩ phường Trương Quang Trọng, kề bên về phía bắc tuyến đường QL24 ngày nay. Về phong thủy, Văn Miếu Quảng Ngãi lấy núi Thiên Bút làm tiền án, núi Long Đầu làm hậu chẩm, tả long hữu hổ là núi Thiên Ấn ở phía đông và núi Sứa ở phía tây, minh đường là dòng sông Trà Khúc chảy vòng qua trước mặt. Đây là cuộc đất đẹp nhưng hơi hẹp và chỉ phù hợp làm công trình tôn giáo như đền miếu chùa. Rất có thể cụm công trình Văn Miếu này được trùng tu xây dựng lại từ khoảng năm 1850 về sau. Bởi theo sách *Đại Nam nhất thống chí* bản Tự Đức thì mô tả: “*Văn Miếu: Ở địa phận xã Phú Nhân huyện Bình Sơn, thờ tiên thánh sư Khổng Tử. Quy chế có nhà chính 1 gian 2 chái, tả vu và hữu vu đều 5 gian, nghi môn phía trước mở 3 cửa, dựng từ năm Gia Long thứ 16. Đền Khải Thánh ở phía hữu Văn Miếu, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 20*”¹⁵. Mô tả này cho biết Văn Miếu xây dựng từ năm Gia Long thứ 16 (1817) có tòa chính đường 1 gian 2 chái, về sau thì Văn Miếu đã là tòa chính đường ba gian hai chái, có nghĩa Văn Miếu Quảng Ngãi đã được sửa chữa xây dựng lại. Tại sao Văn Miếu được sửa chữa sau năm 1850? Vì niên đại muộn nhất của sách *Đại Nam nhất thống chí* bản Tự Đức là vào năm Tự Đức thứ 3 (1850), bởi khi mô tả có chi tiết vào năm 1850 núi Thiên Ấn được liệt vào điển thờ¹⁶, đồng thời lúc này đàn sơn xuyên chưa xây dựng¹⁷ (đàn sơn xuyên đến năm 1853 được xây ở phía nam núi Thiên Ấn). Văn Miếu Quảng Ngãi tồn tại đến sau năm 1945 và bị phá hủy năm 1947, dấu vết qua khảo sát hầu như không còn gì, kể cả ký ức dân gian. Đến khoảng năm 1957-1958 Văn Miếu Quảng Ngãi được xây dựng lại với quy mô khá bé và đơn giản nhằm phục vụ việc thờ cúng và biểu dương tinh thần nho giáo nơi đây. Năm 1957 trong khi lấy đất trong khu vực Văn Miếu Quảng Ngãi, công nhân đã đào được bức tượng đồng Đức Khổng Tử¹⁸ được táng trong khuôn viên Văn Miếu. Rất có thể bức tượng này được thờ tại Văn Miếu

¹³ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Quảng Ngãi*, NXB TP Hồ Chí Minh, 2010, trang 154.

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 416-417.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, NXB Thuận Hóa 2006, trang 511.

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, NXB Thuận Hóa 2006, trang 479.

¹⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, NXB Thuận Hóa 2006, trang 510.

¹⁸ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, *Hồ sơ số 16253*, “*Hồ sơ về việc Sở Công chánh Quảng Ngãi đào được tượng đồng Đức Khổng Tử năm 1957*”, 10.4.1957.

Quảng Ngãi, đến năm 1808 đã được quy định thay thế bằng bài vị và không thờ tượng theo quy định nên bức tượng đã được đem chôn.



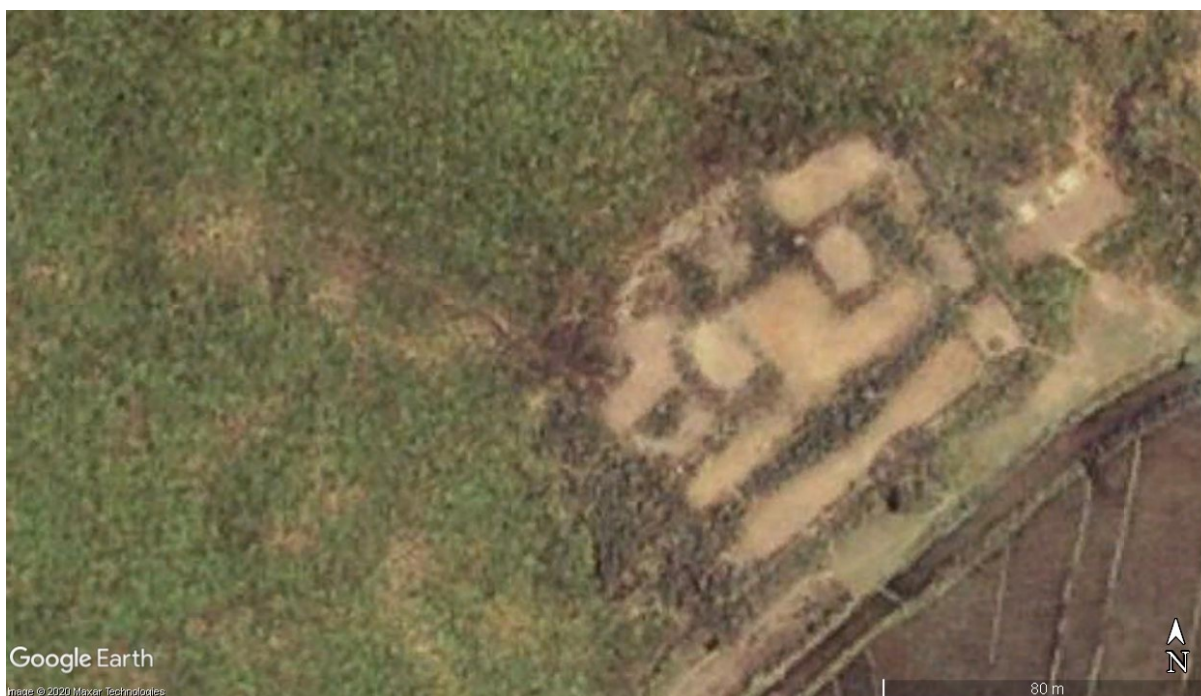
Hình 2. Nhà bia “khuyñh cái hạ mã” bên phải Văn Miếu Bình Định

Văn Miếu Bình Định ngày nay tọa lạc ở tổ dân phố Vĩnh Phú, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, Bình Định; phía đông nam sân bay Phù Cát và cách tuyến đường vào sân bay khoảng 600m về phía nam. Văn Miếu Bình Định được xây từ rất sớm, ngay sau khi vua Gia Long lập niên hiệu đầu tiên vào năm 1802: “*Văn Miếu: Ở thôn Vĩnh Lại huyện Phù Cát, phía Bắc tỉnh thành, quy mô miếu rộng rãi. Phía Tây có đền Khải Thánh, dựng năm Gia Long thứ nhất (1802), trùng tu năm Minh Mạng thứ 10 (1829)*”¹⁹. Văn Miếu Bình Định nằm trên đồi Gò Cương (Cang), phía bắc thành Đồ Bàn. Gò này chính là phần kéo dài về phía đông của núi Thiết Trụ và kết thúc trước đường thiên lý, dãy núi đồi này chạy dọc theo bờ Bắc sông Quai Vạc – còn có tên là sông Gò Găng hay Gò Cương (Cang). Một chi tiết thú vị là kề bên Văn Miếu còn có cả một cụm di tích lớn tại đây, đó Thành phủ Quy Nhơn²⁰ lúc Nguyễn Nhạc chiếm ban đầu nằm phía bắc; phía đông bắc là miếu Hội Đồng (nay là vị trí Trường tiểu học); kề bên miếu Hội Đồng cũng về phía đông bắc là miếu Thành Hoàng. Bốn công trình này tạo thành một quần thể di tích dày đặc tại đây. Hiện nay Văn Miếu Bình Định chỉ còn nền móng tòa chánh đường, bức bình phong sau nghi môn; hai tượng kỳ lân rất lớn (1 tượng đã đổ) nằm trước nghi môn; đặc biệt còn hai bia “khuyñh cái hạ mã” nằm phía trước, trong đó cụm nhà bia bên hữu còn khá nguyên vẹn, bia bên trái chỉ còn tấm bia chôn vào đất. Khảo sát theo tư liệu năm 1951, Văn Miếu Bình Định có khuôn viên 105x60

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 574.

²⁰ Võ Nguyên Phong, “Lý sở phủ Quy Nhơn thời chúa Nguyễn qua thư tịch cổ”, *Tạp chí Phát triển KT-XH Đà Nẵng số 113*, 5.2019, trang 54-62.

m, chạy dài theo hướng bắc–nam và mặt tiền hướng nam, chia làm hai khu: Khu Nam 30x60m; nối tiếp là khu Bắc 75x60m có bố trí cụm công trình chính tại đây. Công trình rất quy mô với 6 tòa nhà, trong đó trên khu Bắc có một chính đường và Tả Vu, Hữu Vu tạo thành phần chính Văn Miếu, phía sau chính đường là hai tòa có thể là thần khố và thần trù; tòa nhà còn lại nằm ở khu Nam, nằm phía trước tòa Tả Vu, đây có lẽ là nhà Hữu Văn ở bên trái và không thấy nhà Dục Lễ ở bên phải. Có thể theo tư liệu này (1951) thì Văn Miếu đã xuống cấp sau năm 1945 nên hiện trạng không còn nguyên gốc. Cần khảo sát thêm để xác định quy mô trước đây của công trình.



Hình 3. Dấu tích nền móng Văn Miếu Phú Yên

Văn Miếu Phú Yên: “*Văn Miếu - Khải Miếu: Hai miếu này đều ở thôn Hội Tín. Trước ở thôn Ngân Sơn. Năm Thành Thái thứ 11 (1899), dời đến đây. Nguyên là Văn Miếu của phủ Tuy An*”²¹. Như vậy thông tin được ghi chép ở đây là Văn Miếu phủ Tuy An trở thành Văn Miếu tỉnh Phú Yên sau năm 1899. Thông tin từ đây còn cho biết trước năm 1899 thì Văn Miếu ở thôn Ngân Sơn. Tra cứu *Đại Nam nhất thống chí* bản Tự Đức cho biết “*Văn Miếu: Ở xã Ngân Sơn, huyện Đồng Xuân, đầu đời Gia Long ở xã Năng Tĩnh huyện Tuy Hoà, năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) dời đến chỗ hiện nay*”²². Như vậy nguyên thời Gia Long thì Văn Miếu Phú Yên nằm ở làng Năng Tĩnh, về sau mới chuyển về Ngân Sơn. Xã Năng Tĩnh thời Gia Long (1815) là xã An Toàn, tổng Trung, huyện Đồng Xuân. Làng này có kho An Toàn rất nổi tiếng trong lịch sử ở Phú Yên thời chúa Nguyễn; nay địa giới thuộc phần lớn nội ô thành phố Tuy Hòa. Tra cứu địa bạ Phú Yên (1815) thì đúng là xã An Toàn là nơi

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 616.

²² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 3*, NXB Thuận Hóa 2006, trang 92.

đặt Văn Miếu tỉnh Phú Yên “*Đất miếu Văn Thánh 0.2.5.0*”²³, tương đương 0,11 ha. Tuy nhiên việc chuyển dời Văn Miếu Phú Yên về làng Ngân Sơn theo chính sử thì lại vào năm 1822: “[Tháng 3 năm Nhâm Ngọ] *Dời dựng Văn Miếu trấn Phú Yên đến Xuân Sơn. Trấn thần thấy miếu cũ địa thế chật hẹp, gỗ ván đã một nát, xin dời về đây. Vua theo lời*”²⁴. Như vậy Văn Miếu Phú Yên chuyển đến làng Ngân Sơn vào năm 1822, nhưng ở đây *Đại Nam thực lục* gọi là Xuân Sơn mà không phải Ngân Sơn. Vậy thì chi tiết này nhằm hoặc làng Ngân Sơn trước đây là Xuân Sơn? Tra cứu địa bạ, nguyên gốc làng Ngân Sơn vào năm 1815 là xã Bạc Má²⁵ thuộc tổng Hạ, huyện Đồng Xuân; đến năm 1824 theo thông tin từ *Minh Mạng tấu nghị* thì đổi “*Xã Bạc Má thành xã Ngân*”²⁶, ở đây phải là xã Ngân Sơn. Như vậy trước năm 1824 vẫn là Bạc Má mà không phải là Xuân Sơn. Như vậy có thể khẳng định trong *Đại Nam thực lục* đã chép nhầm hoặc dịch nhầm. Về vị trí đền Khải Thánh tham khảo thông tin *Đồng Khánh dư địa chí* “*Văn Miếu: Ở phía nam thành đạo, tại xã Ngân Sơn huyện Đồng Xuân, xây phía bên phải đền Khải Thánh*”²⁷. Qua kết quả khảo sát tại thôn Ngân Sơn, xã An Thạch, huyện Tuy An có dấu tích nền cụm công trình kiến trúc. Dấu tích nằm trên một sườn đồi thấp ở phía nam chân núi Sơn Chà, còn gọi là núi A Man, cách khu mộ cổ nổi tiếng chừng 500 mét về phía đông. Bước đầu quan sát được các móng nhà như hình 3, mà theo ký ức dân cư bản địa thì đây là Văn Miếu hoặc Văn Thánh. Theo sơ đồ trên có thể ước đoán ở giữa là tòa chính đường nhìn về hướng nam-đông nam và hai bên là hai tòa Tả Vu, Hữu Vu; có lẽ miếu Khải Thánh nằm hướng đông, tức bên tả Văn Miếu. Ở đây sẽ nhận ra sự khác biệt thường thấy ở Văn Miếu là miếu Khải Thánh lại không ở bên bên phải và phía tây mà lại ở bên trái và phía đông, tuy nhiên điều này lại trùng khớp với ghi chép ở *Đồng Khánh địa dư chí*.

Văn Miếu Khánh Hòa theo *Đại Nam nhất thống chí* được xây dựng từ 1803: “*Văn Miếu: Ở xã Phúc Lộc, phía tây tỉnh thành, dựng năm Gia Long thứ 2 (1803), trùng tu năm Tự Đức thứ hai (1849)*”²⁸. Tuy nhiên đây lại là Văn Miếu được ghi nhận từ thời chúa Nguyễn, ban đầu được xây ở phủ Bình Khang về sau mới chuyển về Diên Khánh. Theo mô tả năm 1806 về Văn Miếu dinh Bình Hòa, sau là trấn Bình Hòa (1808), rồi tỉnh Khánh Hòa(1832): “*1.287 tầm, đường này mới đắp, ngập 3 tầm, hai bên đều là ruộng cấy lúa, dân cư thưa thớt, đến sông lớn, phía bắc sông là địa phận xã Phú Lộc thuộc huyện Hoa Châu. Từ phía bắc đi lên 965 tầm có ba tòa miếu Văn thánh mới lập, tường vôi mái tranh, lệ cắt cử lễ sinh 33 người và dân phụ lữ 30 người, từ phu 1 người*”²⁹. Ở đây tác giả gọi là mới

²³ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Phú Yên*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1997, trang 174.

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 2*, NXB Giáo dục 2007, trang 194.

²⁵ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Phú Yên*, NXB TP Hồ Chí Minh 1997, trang 144-145.

²⁶ Hy Giang Lê Thị Mai, “Thay đổi địa danh ở dinh Quảng Nam và các trấn Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong *Minh Mạng tấu nghị*”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Xứ Quảng số 11*, 2018, trang 31.

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh địa dư chí*, Bản ebook, trang 1609.

²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 646.

²⁹ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005, trang 50-51.

lập, có lẽ là vào năm 1796 vì trước đó đã mô tả: “32 tấm đến Chùa Thành cũ, chùa do cai bạ Cẩm Long hầu lập nên từ thời tiền triều, mặt trước có bức tường đá vôi, đến năm Bình Thịn (1796) lệnh phá bức tường này lấy đá xây văn miếu, nay chùa ấy đã hư hỏng”³⁰. Qua các mô tả này cho thấy vị trí tòa Văn Miếu thời nhà Nguyễn nằm ở làng Phúc Lộc, chi tiết “tường vôi mái tranh” cho chúng ta biết bức tường đá vôi được gỡ từ Chùa Thành cũ ở phủ Bình Khang (năm 1796) để vào xây Văn Miếu ở phủ Diên Khánh như ghi chép trước đó. Như vậy có lẽ chi tiết “dựng năm Gia Long thứ hai” là đặt lại nghi lễ và chỉnh trang lại Văn Miếu sau khi có lệnh chung trong toàn quốc về việc đặt nhà Văn Miếu của Gia Long, bởi Văn Miếu đã có trước đó. Đến năm 1849 Văn Miếu Khánh Hòa được sửa chữa lại. Về vị trí, căn cứ mô tả năm 1806 cho thấy vị trí Văn Miếu Khánh Hòa nằm ở làng Phúc Lộc, nay là tổ dân phố Phúc Lộc Tây 1, thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh; nằm cách đường quan 965 tầm (khoảng 2 km) về phía tây. Theo địa bạ Khánh Hòa (1810), làng Phúc Lộc phụ lữ xã thuộc tổng Trung, huyện Hoa Châu, phủ Diên Khánh có “Đất Văn Thánh miếu 3.4.0.0 (1 khoảnh)”³¹, tức khoảng 1,66 ha, tức diện tích khá lớn và phù hợp với diện tích khuôn viên Văn Miếu ngày nay (khoảng 1,77ha). Như vậy phỏng đoán Văn Miếu Khánh Hòa không di chuyển kể từ ngày đầu lập (1796) đến nay. Không rõ vì sao hiện nay lại gọi di tích này là Văn Miếu Diên Khánh, rất có thể tên gọi bắt đầu từ sau năm 1954, đây là giai đoạn lập Hội Khổng học ở toàn miền Nam. Thiết nghĩ nên trả lại tên cho di tích là Văn Miếu Khánh Hòa, vì nó chính là di tích văn miếu hàng tỉnh tại Khánh Hòa.

Văn Miếu Bình Thuận là công trình hầu như không còn ký ức của người bản địa. Không chỉ trường hợp Văn Miếu tại đây mà còn cho cả hai tòa thành tỉnh xây dựng thời Minh Mạng và Tự Đức, cũng không còn ký ức. Quá trình điền dã các di tích ở đây mà người viết nhận được từ dân gian là không có gì, một sự thật rất kỳ lạ cho dù các di tích vẫn còn dấu vết trên thực địa. Theo thông tin từ *Đại Nam nhất thống chí* rất vắn tắt: “*Văn Miếu: Ở hai thôn Bình Thủy và Lạc Nghiệp, phía tây tỉnh thành cũ, dựng năm Minh Mạng thứ bảy (1826)*”³². Tra cứu hai thôn Bình Thủy và Lạc Nghiệp ở vùng Bình Thuận thì chỉ có thôn Bình Thủy và Lạc Sơn nằm kề nhau, có lẽ sách hoặc dịch giả nhầm. Điều này xác quyết theo *Đại Nam nhất thống chí* bản Tự Đức là: “*Văn miếu: Ở phía tây tỉnh thành, địa phận hai thôn Bình Thủy và Lạc Sơn, dựng năm Minh Mệnh thứ bảy*”³³. Tra cứu sách *Đồng Khánh địa dư chí* (1876) thì “*Văn Miếu, Khải Từ tại Hòa Đa huyện, Vĩnh An tổng, Lạc Sơn thôn địa phận*”³⁴, đồng thời theo phần bản đồ thì Văn Miếu nằm giữa làng Bình Thủy và Liêm Công; lúc này có hai thôn Bình Thủy và Bình Thủy Lạc Sơn thuộc tổng Vĩnh An, huyện Hòa Đa, phủ Hàm Thuận. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì miếu ở hai thôn Bình

³⁰ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005, trang 47.

³¹ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Khánh Hòa*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1997, trang 210.

³² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 679.

³³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 3*, NXB Thuận Hóa 2006, trang 173.

³⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh địa dư chí*, Bình Thuận tỉnh, tờ 3a.

Thủy và Lạc Sơn, có thể đây là cách viết tắt Bình Thủy và [Bình Thủy] Lạc Sơn hoặc thôn Bình Thủy Lạc Sơn. Tra cứu địa bạ Bình Thuận (1836) thì cho biết Văn Miếu nằm ở thôn Bình Thủy Lạc Sơn với thông tin “*Đất miếu Văn Thánh (1 sở) 2.1.2.0*”³⁵. Trên thực tế ngày nay, thôn [Bình Thủy] Lạc Sơn nằm ở bờ Tây sông Lũy, còn thôn Bình Thủy nằm ở bờ Đông sông Lũy, tuy nhiên theo mô tả từ địa bạ thì “*Bình Thủy Lạc Sơn thôn: - Đông giáp địa phận thôn Hòa Bình (tổng Hồng Phước), có lập cột gỗ, cột đá làm giới; - Tây giáp địa phận xã Thanh Hiếu (tổng Tuân Giáo), có lập cột gỗ, cột đá làm giới; - Nam giáp động cát trắng; - Bắc giáp địa phận thôn Bình Thủy*”³⁶. Qua đây có thể nhận định làng Bình Thủy Lạc Sơn ban đầu nằm ở hai bên bờ sông Lũy và có lẽ Văn Miếu nằm ở vị trí ranh giới hai làng Bình Thủy và Bình Thủy Lạc Sơn, tuy diện tích nằm hoàn toàn trên làng Bình Thủy Lạc Sơn. Có lẽ làng Bình Thủy Lạc Sơn là làng được tách từ làng Bình Thủy, điều này căn cứ vào mô tả trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* năm 1806: “*50 tầm đến chợ Sông Cạn, hai bên đều có quán xá và dân cư nhưng thưa thớt, khách đi đường có thể nghỉ chân, chợ ở ngay giữa đường, đông vào buổi sáng, từ đây có con đường nhỏ theo hướng tây nam đi 192 tầm thì đến địa phận thôn Bình Thủy, ở đó có Văn Miếu*”. Ở đây có 2 thông tin: 1. Vào năm 1806 đã có Văn Miếu Bình Thuận; 2. Văn Miếu nằm ở làng Bình Thủy. Kết hợp những thông tin từ *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (1806), *Địa bạ* (1836), *Đại Nam nhất thống chí* (giữa cuối thế kỷ XIX), *Đồng Khánh địa dư chí* (1876), có thể xác định Văn Miếu nằm ở bờ Đông sông Lũy và phía Tây cầu Sông Cạn, ở thôn Bình Thủy ngày nay thuộc xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình. Chi tiết hơn căn cứ mô tả năm 1806 cho thấy Văn Miếu cách Sông Cạn khoảng 500 mét, ứng với khu vực làng nằm phía tây nam cầu Sông Cạn. Nơi đây vẫn còn di tích nền móng một công trình lớn, mà một phần đã dựng thành miếu Liêm Công (Liêm Công Hiệp Tự - 1955), nơi thờ tự của thôn Bình Thủy và cách quốc lộ khoảng 200 mét về phía nam. Tòa miếu Liêm Công chỉ mới được xây dựng từ năm 1955 với kiến trúc khá đơn giản và quy mô nhỏ, đặt bên cạnh một nền móng công trình rất lớn nằm bên về phía tây, cần nhiều khảo sát hơn để kết luận cuối cùng. Rất có thể vị trí này là Văn Miếu Bình Thuận đúng như mô tả trong các tài liệu đã khảo sát là nằm về phía tây thành cũ Minh Mạng, tây cầu Sông Cạn, ở bờ Đông sông Lũy, đặc biệt vị trí có phong thủy rất đẹp. Nếu vị trí này đúng thì Văn Miếu Bình Thuận có mặt tiền nhìn về hướng nam lấy sông Lũy làm minh đường, tiền án là dãy núi cát phía nam bên bờ biển, hậu chẩm là dãy chủ sơn (dãy Trường Sơn) nhô ra mũi Padaran phía đông bắc, tả long hữu hổ là hai ngọn đồi Xích Thổ và Lạc Sơn nằm bên bờ Tây sông Lũy, đó thật là nơi thắng địa về phong thủy.

Trên đây là kết quả khảo sát sơ bộ các tòa Văn Miếu hàng tỉnh tại Miền Trung gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận và 1 tòa Văn Miếu kinh thành Huế thời nhà Nguyễn thuộc địa giới Đàng Trong. Như vậy trong 9 tỉnh miền Trung tính từ Quảng Bình trở vào Bình Thuận (Đàng Trong) thì tất cả

³⁵ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Bình Thuận*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1996, trang 195.

³⁶ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Bình Thuận*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1996, trang 195.

các tỉnh thành đều đã xây dựng công trình Văn Miếu. Một số Văn Miếu có quy mô lớn hoặc từng lớn như Văn Miếu kinh thành Huế, Văn Miếu Bình Định... với quy mô xây dựng khác với quy định trong điển lệ. Các Văn Miếu trên là những công trình tế lễ hết sức quan trọng và làm thành một thiết chế tín ngưỡng ở hàng quốc gia và hàng tỉnh hàng năm, thể hiện tinh thần tôn sư trọng đạo và biểu dương học thuật, làm nên truyền thống Á Đông rất đặc trưng qua hệ thống khoa cử và thờ tự Nho giáo.

V.N.P

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ - Tập 2*, NXB Thuận Hóa 1993.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh địa dư chí*, Bình Thuận tỉnh.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, Tập 2,3,5*, NXB Thuận Hóa, 2006.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 1, 2*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 1, 2, 4, 5,7*, NXB Giáo dục, 2006.
6. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Quảng Ngãi*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
7. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Phú Yên*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1997.
8. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Khánh Hòa*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1997.
9. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Bình Thuận*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1996.
10. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005.
11. Hy Giang Lê Thị Mai, “Thay đổi địa danh ở dinh Quảng Nam và các trấn Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong Minh Mạng sáu nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Xứ Quảng* số 11, 2018.
12. Võ Nguyên Phong, “Thành cổ Thanh Chiêm”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử Xứ Quảng*, số 12, 1.2019.
13. Võ Nguyên Phong, “Ly sở phủ Quy Nhơn thời chúa Nguyễn qua thư tịch cổ”, *Tạp chí Phát triển KT-XH Đà Nẵng* số 113, 5.2019.
14. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, *Hồ sơ số 16253*, “Hồ sơ về việc Sở Công chánh Quảng Ngãi đào được tượng đồng Đức Khổng Tử năm 1957”, 10.4.1957.
15. M. Charies Lemire, “Aux monuments anciens des Kiams (Excursion archéologique en Annam)”, *Le tour du monde 1894*, Deuxième semestre, Paris 1894.
16. Ứng Trinh, “Le Temple des Lettres”, *Bulletin des Amis du Vieux Hué* số IV (Oct-Déc), năm 1916.